

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 8 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hảo và ông Nguyễn Thế Căn.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lục Thanh Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Cao Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Ngô Thị N, sinh năm: 1982; nơi đăng ký thường trú: khu C, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: khu D, phường B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** anh Vũ Văn T, sinh năm: 1972; nơi cư trú: khu C, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tình yêu nam nữ, đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Chị đã nhiều lần ngồi nói chuyện

với anh T nhưng hai bên không tìm được giải pháp, chị và anh T đã sống ly thân được gần hai năm. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: chị và anh Vũ Văn T có 02 (hai) con chung là Vũ Thị D, sinh ngày 12/3/2005 và Vũ Văn C, sinh ngày 01/7/2007. Cháu D đã thành niên, đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Vũ Văn C, do cháu có nguyện vọng ở với anh T nên chị đề nghị anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, về cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị và anh T không có.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh công nhận về quá trình chung sống, thời gian đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, cũng có những mâu thuẫn nhỏ xảy ra, tuy nhiên ngày một nặng nề, vợ chồng đã sống ly thân được hai năm. Bản thân anh muốn níu kéo hạnh phúc gia đình, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh thống nhất như lời trình bày của chị N. Anh không đồng ý ly hôn, nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Tuy nhiên, nếu Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện, đối với cháu D đã thành niên, đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề cập. Đối với cháu C đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh và chị N không có.

Tại biên bản xác minh ngày 28/6/2024 về nguyên nhân việc phát sinh tranh chấp ly hôn giữa chị N và anh T tại cộng đồng dân cư khu C, phường H, thành phố M, đại diện cộng đồng dân cư khu C, phường H cho biết: vợ chồng anh T và chị N cư trú trên địa bàn khu C, phường H, thành phố M. Quá trình sinh sống, các đương sự chấp hành các quy định của địa phương, không có vi phạm gì. Qua nắm bắt thông tin, vợ chồng anh T và chị N xảy ra xung đột, vợ chồng ly thân được gần hai năm. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do anh T hay ghen tuông, đã có lần anh T đến nơi ở của chị N ở khu D, phường B sinh sự, Công an phường B đã can thiệp giải quyết. Hiện con chung cháu C đang sinh sống với anh T.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung chưa thành niên cháu Vũ Văn C ngày 01/7/2024 thể hiện: cháu C hiện đang ở với bố tại khu C, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, bố mẹ xảy ra mâu thuẫn, tình cảm không còn yêu thương nhau. Bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sinh sống với bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự được đảm bảo các quyền theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh T có mâu thuẫn trong thời gian dài, không còn tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng ly thân, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Vũ Văn T.

+ Về con chung: cháu D đã thành niên, đầy đủ năng lực hành vi dân sự các đương sự đều có quan điểm không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Vũ Văn C xét tình hình thực tế và nguyện vọng của cháu, ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Giao cháu C cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

+ Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết nuôi con sau ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử xác định đây quan hệ pháp luật là "ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ tại thành phố M, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị N đối với anh Vũ Văn T

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn T chung sống với nhau từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2019 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây

là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nảy sinh nghi ngờ ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ, chồng sống ly thân đã gần hai năm nay. Anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng ngày một nặng nề, thừa nhận đã ly thân, nhưng bản thân muốn níu kéo nên không đồng ý ly hôn. Tài liệu, chứng cứ thu thập tại cộng đồng dân cư nơi chị N và anh T cư trú, xác nhận các nội dung mâu thuẫn vợ chồng như các bên đã trình bày.

Như vậy, có thể khẳng định hôn nhân của chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị N là có cơ sở, Hội đồng xét xử thấy phù hợp, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: các đương sự đều xác nhận có hai con chung, là Vũ Thị D, sinh ngày 12/3/2005 và Vũ Văn C, sinh ngày 01/7/2007. Con chung Vũ Thị D đã thành niên đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Vũ Văn C đến thời điểm xét xử vụ án đã cũng đã hơn 17 tuổi, xét tình hình thực tế và nguyện vọng của cháu, ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Giao cháu C cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, quá trình giải quyết nguyên đơn đề nghị việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do hai bên tự thỏa thuận. Bị đơn trong quá trình giải quyết không đồng ý ly hôn cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án từ sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn nhiều lần từ chối nhận văn bản tố tụng, không có lý do, không tham gia phiên tòa để trình bày yêu cầu của mình, do vậy không có cơ sở xác định mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, việc cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn T thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về quyền kháng cáo và án phí: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, chị Ngô Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị N được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: giao con chung Vũ Văn C, sinh ngày 01/7/2007 cho anh Vũ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn các đương sự tự thỏa thuận.

Chị Ngô Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003143 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Chị Ngô Thị N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: chị Ngô Thị N và anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh QN;
- TAND tỉnh QN;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- UBND phường Hải Yên;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa